



BẢN SAO

**Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và
Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký kinh doanh số 0103043042

ngày 24 tháng 12 năm 2009

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104346228 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 1 năm 2017.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch
	Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên (đến 22/4/2016)
	Ông Đỗ Trọng Huân	Thành viên (từ 22/4/2016)
	Ông Nguyễn Cao Tiến	Thành viên (đến 22/4/2016)
	Ông Nguyễn Long	Thành viên (từ 22/4/2016)
	Ông Đỗ Bảo Hưng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc
	Ông Nguyễn Cao Tiến	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Long	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Tầng 2, Tòa nhà D1, Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

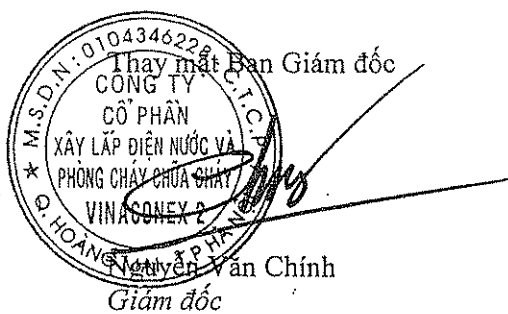
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Hà Nội, 14-04-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-04-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-496



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-04-2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		82.585.963.270	53.482.540.845
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.663.009.737	3.408.968.397
Tiền	111		6.163.009.737	408.968.397
Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	3.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.060.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.060.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.233.182.596	43.860.606.697
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.771.859.571	37.736.653.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.196.664.706	1.798.880.146
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.666.055.147	4.636.969.652
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(401.396.828)	(311.896.828)
Hàng tồn kho	140	9	16.456.939.113	5.829.131.587
Hàng tồn kho	141		17.041.831.781	6.414.024.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(584.892.668)	(584.892.668)
Tài sản ngắn hạn khác	150		172.831.824	383.834.164
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.483.336	350.700.271
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.348.488	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	33.133.893
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		2.822.310.722	3.780.974.729
Tài sản cố định	220		366.519.298	3.703.825.490
Tài sản cố định hữu hình	221	10	366.519.298	3.703.825.490
Nguyên giá	222		3.056.094.893	13.757.885.993
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.689.575.595)	(10.054.060.503)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.345.043.953	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.345.043.953	-
Tài sản dài hạn khác	260		110.747.471	77.149.239
Chi phí trả trước dài hạn	261		110.747.471	77.149.239
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		85.408.273.992	57.263.515.574

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		66.617.410.287	41.652.751.253
Nợ ngắn hạn	310		63.749.317.117	38.784.658.083
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	41.152.965.614	25.298.944.504
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.753.369.629	605.263.455
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	12	1.620.448.136	459.771.180
Phải trả người lao động	314		1.029.467.838	425.136.412
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	6.761.365.396	3.244.581.594
Phải trả ngắn hạn khác	319	14(a)	4.251.836.043	3.013.782.383
Vay ngắn hạn	320	15	-	5.531.206.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.060.862.785	74.370.879
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		119.001.676	131.601.676
Nợ dài hạn	330		2.868.093.170	2.868.093.170
Phải trả dài hạn khác	337	14(b)	2.868.093.170	2.868.093.170
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.790.863.705	15.610.764.321
Vốn chủ sở hữu	410	16	18.790.863.705	15.610.764.321
Vốn cổ phần	411	17	20.000.000.000	19.261.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	19.261.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	17	4.000.000	4.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	660.966.770	660.966.770
Lỗi lũy kế	421		(1.874.103.065)	(4.315.202.449)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.315.202.449)	(4.421.327.588)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.441.099.384	106.125.139
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		85.408.273.992	57.263.515.574

14 -04- 2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

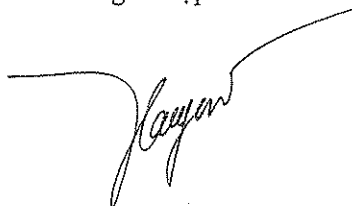
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	75.639.226.371	58.767.940.205
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	68.043.746.178	54.751.535.809
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		7.595.480.193	4.016.404.396
Doanh thu hoạt động tài chính	21		413.647.075	224.416.968
Chi phí tài chính	22		380.135.336	265.648.731
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		380.135.336	265.648.731
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.756.846.196	3.066.744.269
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		3.872.145.736	908.428.364
Thu nhập khác	31	22	1.068.221.119	28.008
Chi phí khác	32	23	2.164.319.860	802.331.233
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.096.098.741)	(802.303.225)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.776.046.995	106.125.139
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	334.947.611	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.441.099.384	106.125.139

14-04-2017

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.776.046.995	106.125.139
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		939.057.800	1.143.812.535
Các khoản dự phòng	03		1.075.991.906	73.533.445
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.480.962.320)	(224.416.968)
Chi phí lãi vay	06		380.135.336	265.648.731
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.690.269.717	1.364.702.882
Biến động các khoản phải thu	09		(2.447.086.187)	(7.451.219.444)
Biến động hàng tồn kho	10		(12.972.851.479)	2.917.242.699
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		29.953.147.959	(12.621.323.118)
Biến động chi phí trả trước	12		200.618.703	(389.521.133)
			18.424.098.713	(16.180.118.114)
Tiền lãi vay đã trả	14		(476.760.248)	(185.090.486)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	106.479.128
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.600.000)	(6.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.934.738.465	(16.265.429.472)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		-	(89.427.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		3.479.200.000	-
Tiền đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(6.060.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		342.308.875	201.416.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.238.491.125)	111.989.695

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

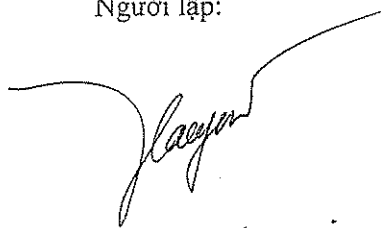
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		89.000.000	200.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.873.075.775	6.930.763.147
Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.404.281.775)	(3.234.606.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.442.206.000)	3.896.157.015
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		10.254.041.340	(12.257.282.762)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		3.408.968.397	15.666.251.159
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	13.663.009.737	3.408.968.397

14 -04- 2017

Người lập:

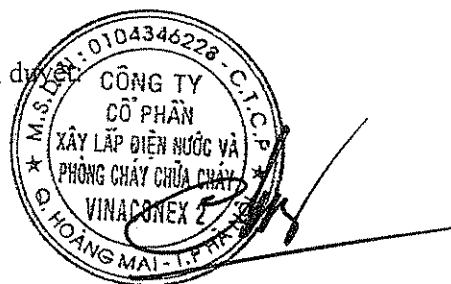


Nguyễn Hải Yên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Tuyết Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trong năm 2017, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình và thi công lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, điều hòa và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 43 nhân viên (1/1/2016: 45 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(f) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(g) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (Công ty Cổ phần Xây dựng số 2), công ty mẹ cấp cao nhất (Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam), các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	3.112.084	26.747.815
Tiền gửi ngân hàng	6.159.897.653	382.220.582
Các khoản tương đương tiền	7.500.000.000	3.000.000.000
	13.663.009.737	3.408.968.397

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 không còn được thế chấp ngân hàng (1/1/2016: 3 tỷ VND) để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngắn hạn		
• Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	3.060.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Quang Trung	3.000.000.000	-
	6.060.000.000	-

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	26.076.526.730	8.343.147.067
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	2.651.985.525	4.305.182.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp IMMICO	1.149.636.500	1.199.636.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	932.770.000	1.182.770.000
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	1.509.864.003	14.357.917.457
Công ty TNHH Phòng cháy chữa cháy Vạn Xuân	1.633.443.224	2.894.597.824
Các khách hàng khác	4.817.633.589	5.453.402.851
	38.771.859.571	37.736.653.727

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Công ty mẹ	26.076.526.730	8.343.147.067
Các công ty liên quan khác	2.651.985.525	4.305.182.028
	28.728.512.255	12.648.329.095

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể được thanh toán khi có yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

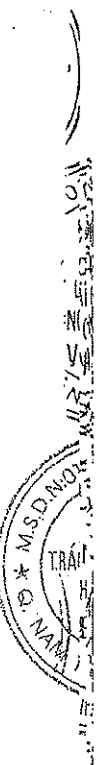
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu người lao động	2.829.791.911	4.141.422.384
Ký cược, ký quỹ	206.764.737	83.724.442
Phải thu khác	629.498.499	411.822.826
	3.666.055.147	4.636.969.652

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 3 năm	133.888.000	(133.888.000)	-
Vũ Hồng Vinh - Công trình				
Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	(66.792.828)	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	(37.660.000)	-
Khác	Trên 3 năm	163.056.000	(163.056.000)	-
		401.396.828	(401.396.828)	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (401.396.828)



Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Số ngày quá hạn	1/1/2016		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Khách lẻ	Trên 3 năm	133.888.000	(133.888.000)	-
Vũ Hồng Vinh - Công trình				
Mễ Trì Hạ	Trên 3 năm	66.792.828	(66.792.828)	-
Công ty TNHH Hà Nội Plaza	Trên 3 năm	37.660.000	(37.660.000)	-
Khác	Trên 3 năm	73.556.000	(73.556.000)	-
		<u>311.896.828</u>	<u>(311.896.828)</u>	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (311.896.828)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.201.542.600	-	239.606.512	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.926.054.306	-	5.260.182.868	-
Thành phẩm	914.234.875	(584.892.668)	914.234.875	(584.892.668)
	<u>17.041.831.781</u>	<u>(584.892.668)</u>	<u>6.414.024.255</u>	<u>(584.892.668)</u>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 329 triệu VND thành phẩm (1/1/2016: 329 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	543.168.595	12.878.403.762	86.313.636	250.000.000	13.757.885.993
Thanh lý	-	(10.701.791.100)	-	-	(10.701.791.100)
Số dư cuối năm	543.168.595	2.176.612.662	86.313.636	250.000.000	3.056.094.893
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	498.438.593	9.245.793.127	59.828.783	250.000.000	10.054.060.503
Khấu hao trong năm	9.939.996	915.875.384	13.242.420	-	939.057.800
Thanh lý	-	(8.303.542.708)	-	-	(8.303.542.708)
Số dư cuối năm	508.378.589	1.858.125.803	73.071.203	250.000.000	2.689.575.595
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	44.730.002	3.632.610.635	26.484.853	-	3.703.825.490
Số dư cuối năm	34.790.006	318.486.859	13.242.433	-	366.519.298

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 1.199 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.451 triệu VND).

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Công ty mẹ	2.646.478.640	2.194.179.164
<i>Các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Tomeco An Khang	1.169.493.328	-
Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu xây dựng Phương Bắc	659.473.000	709.473.000
Công ty TNHH Trường Hải	-	299.951.730
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Thành Đạt	644.620.000	994.620.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hà Nội	-	1.458.845.000
Doanh nghiệp tư nhân Thành Hương	1.334.458.509	1.484.458.509
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long	169.445.981	1.264.674.836
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng An Thịnh	355.976.491	3.824.736.796
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Nông thôn	106.112.312	531.027.200
Các nhà cung cấp khác	34.066.907.353	12.536.978.269
	41.152.965.614	25.298.944.504

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	124.196.083	8.341.488.941	(1.639.001.329)	(5.526.769.684)	1.299.914.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	334.947.611	-	(33.133.893)	301.813.718
Thuế thu nhập cá nhân	8.218.370	79.526.636	(69.024.599)	-	18.720.407
Thuế khác	327.356.727	80.456.864	(407.813.591)	-	-
	459.771.180	8.836.420.052	(2.115.839.519)	(5.559.903.577)	1.620.448.136

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí công trình	6.682.915.799	3.134.267.090
Chi phí thuê văn phòng	8.049.592	13.689.592
Lãi vay ngân hàng	-	96.624.912
Chi phí phải trả khác	70.400.005	-
	6.761.365.396	3.244.581.594

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	12.995.535	28.666.750
Bảo hiểm xã hội	-	40.420.268
Phải trả công ty mẹ	2.010.535.365	2.660.535.365
Các khoản phải trả khác	2.228.305.143	284.160.000
	4.251.836.043	3.013.782.383

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Giá trị chênh lệch tài sản bàn giao và vốn góp từ công ty mẹ	2.668.093.170	2.668.093.170
Giá trị thương hiệu của công ty mẹ	200.000.000	200.000.000
	2.868.093.170	2.868.093.170

(c) Phải trả khác cho các công ty liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - Công ty mẹ	4.878.628.535	5.528.628.535

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	5.531.206.000	3.873.075.775	(9.404.281.775)	-

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	19.061.000.000	4.000.000	660.966.770	(4.421.327.588)	15.304.639.182
Phát hành cổ phiếu	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	106.125.139	106.125.139
Số dư tại ngày 1/1/2016	19.261.000.000	4.000.000	660.966.770	(4.315.202.449)	15.610.764.321
Phát hành cổ phiếu	739.000.000	-	-	-	739.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.441.099.384	2.441.099.384
Số dư tại 31/12/2016	20.000.000.000	4.000.000	660.966.770	(1.874.103.065)	18.790.863.705

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.000.000	20.000.000.000	1.926.100	19.261.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	1.926.100	19.261.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	20.000.000.000	1.926.100	19.261.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.926.100	19.261.000.000	1.906.100	19.061.000.000
Phát hành cổ phiếu	73.900	739.000.000	20.000	200.000.000
Số dư cuối năm	2.000.000	20.000.000.000	1.926.100	19.261.000.000

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hợp đồng xây lắp	21.590.476.384	-
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	53.729.659.078	56.953.466.831
▪ Cho thuê thiết bị	319.090.909	1.814.473.374
	75.639.226.371	58.767.940.205

20. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hợp đồng xây lắp	20.707.216.859	-
▪ Lắp đặt hệ thống điện nước, phòng cháy chữa cháy	47.185.867.270	53.528.065.475
▪ Cho thuê thiết bị	150.662.049	1.223.470.334
	68.043.746.178	54.751.535.809

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.240.337.034	1.859.936.040
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.861.849	181.139.019
Chi phí khấu hao	25.319.380	32.051.280
Chi phí trích lập dự phòng	89.500.000	77.477.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.640.339	507.247.536
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	600.187.594	408.892.817
	3.756.846.196	3.066.744.269

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.067.315.245	-
Các khoản khác	905.874	28.008
	1.068.221.119	28.008

23. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định chờ thanh lý	779.111.285	751.996.841
Các khoản phạt hợp đồng	589.955.004	38.000.000
Các khoản phạt thuế	77.456.864	-
Các khoản chi phí khác	717.796.707	12.334.392
	2.164.319.860	802.331.233

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	47.091.960.670	37.629.400.464
Chi phí nhân công	29.404.171.884	16.372.906.229
Chi phí khấu hao	939.057.800	1.143.812.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.413.111.022	366.661.819
Chi phí khác	4.991.899.469	2.238.555.031

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	334.947.611	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.776.046.995	106.125.139
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	555.209.399	23.347.531
Chi phí không được khấu trừ thuế	165.124.150	181.078.647
Lỗ tính thuế được sử dụng	(385.385.938)	(204.426.178)
	334.947.611	-

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Xây lắp điện nước và Phòng cháy chữa cháy Vinaconex 2
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 - công ty mẹ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	32.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	53.265.553.901	351.508.331
Góp vốn thông qua bù trừ công nợ	650.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 - công ty liên quan		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.271.310.452	200.224.868
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	827.006.650	752.089.907

27. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Phát hành cổ phiếu cho công ty mẹ thông qua bù trừ công nợ	650.000.000	-

14 -04- 2017

Ngày lập: 18 -04- 2017
 Số chứng thực: 2160 --- 04
 Quyền số: SCT/BS

Nguyễn Hải Yên
 Kế toán tổng hợp

Lê Thị Tuyết Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
 Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Kỳ Lâm